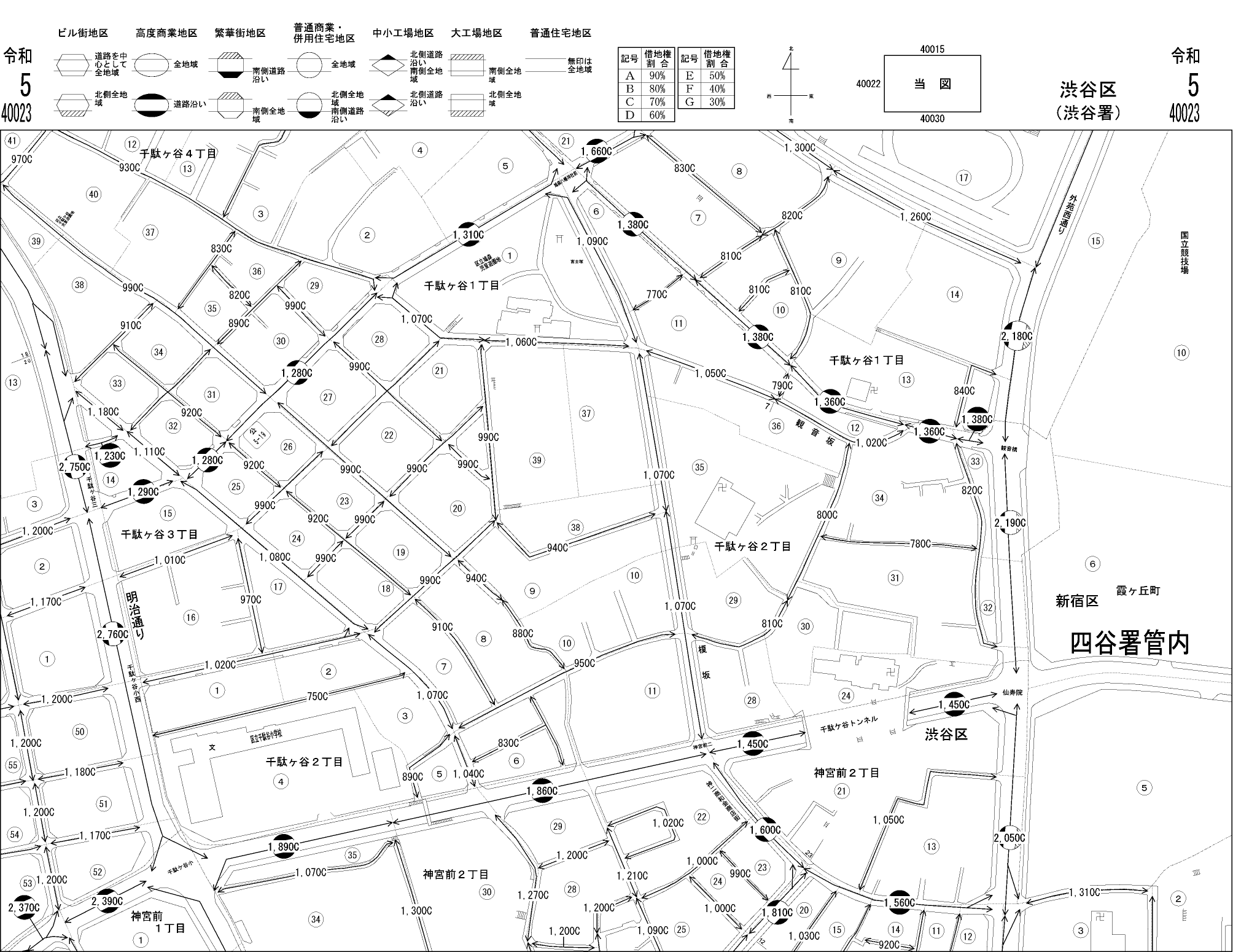
令和 5 40023
ビル街地区
道路を中心として全地域
北側全地域
高度商業地区
全地域
道路沿い
繁華街地区
南側道路沿い
南側全地域
普通商業・併用住宅地区
全地域
北側全地域 南側全地域
北側道路沿い
中小工場地区
北側道路沿い 南側全地域
北側道路沿い
大工場地区
南側全地域
北側全地域
普通住宅地区
無印は全地域
記号 借地権割合
A 90%
B 80%
C 70%
D 60%
E 50%
F 40%
G 30%
北
西
東
南
40015
40022
当図
40030
渋谷区（渋谷署）
令和 5 40023
千駄ヶ谷４丁目
千駄ヶ谷１丁目
千駄ヶ谷３丁目
千駄ヶ谷２丁目
神宮前２丁目
神宮前１丁目
明治通り
外苑西通り
観音坂
榎坂
千駄ヶ谷トンネル
国立競技場
霞ヶ丘町
新宿区
四谷署管内
渋谷区
仙寿院
970C
930C
1,660C
1,300C
830C
820C
1,260C
1,310C
1,380C
1,090C
830C
810C
990C
820C
770C
810C
810C
910C
890C
1,070C
1,060C
1,380C
2,180C
1,280C
990C
1,050C
790C
840C
1,180C
920C
1,360C
1,380C
1,230C
1,110C
1,280C
990C
1,020C
1,360C
2,750C
920C
990C
990C
990C
1,070C
820C
1,290C
990C
800C
1,200C
920C
990C
940C
780C
2,190C
1,010C
1,080C
990C
990C
940C
1,170C
970C
990C
1,070C
2,760C
910C
880C
810C
1,020C
950C
750C
1,070C
1,200C
830C
1,450C
1,200C
1,180C
890C
1,040C
1,860C
1,200C
1,170C
1,890C
1,020C
1,600C
1,050C
2,050C
1,200C
1,070C
1,200C
1,210C
1,000C
990C
1,310C
2,370C
2,390C
1,270C
1,000C
1,810C
1,560C
1,300C
1,200C
1,090C
1,030C
920C